

BÀI GIẢNG

GIỚI THIỆU TÓM TẮT CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG THỰC HIỆN TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Chương trình cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.
2. Chương trình cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
4. Chương trình cho vay học sinh sinh viên.
5. Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.
6. Chương trình cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.
7. Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.
8. Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.
9. Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ.
10. Chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.
11. Chương trình cho vay xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 và Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 14/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.
12. Chương trình cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.
13. Chương trình cho vay dự án "Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa" (Dự án KFW).
14. Chương trình cho vay dự án "Phát triển Ngành Lâm nghiệp" (WB).
15. Chương trình cho vay dự án "Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tại tỉnh Tuyên Quang" (Dự án RIPD).
16. Chương trình cho vay dự án "Toàn dân tham gia quản lý nguồn vốn tỉnh Tuyên Quang" (Dự án IFAD).

17. Chương trình cho vay dự án "Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật" (dự án Nippon).

18. Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

19. Chương trình cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

II. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐÃ HẾT THỜI HẠN GIẢI NGÂN VÀ NHCSXH ĐANG THỰC HIỆN QUẢN LÝ DƯ NỢ

1. Chương trình cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chương trình cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 và Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chương trình cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động thuộc diện hộ nghèo, người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 365/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Chương trình cho vay hộ nghèo xây dựng chòi phòng tránh lũ, lụt theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 và Quyết định số 716/2012/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Chương trình cho vay hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg ngày 09/6/2008 và Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

7. Chương trình cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Chương trình cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.

9. Chương trình cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Chương trình cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

11. Chương trình cho vay vốn để hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề và đi xuất khẩu lao động cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở

xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

12. Chương trình cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc đối với người lao động theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 và QĐ số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

13. Chương trình cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

14. Chương trình cho vay dự án "Bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam Việt Nam tại các tỉnh Trà Vinh, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Cà Mau" (CWPD).

15. Chương trình cho vay dự án "Thí điểm mô hình cung cấp dịch vụ tài chính vi mô, tạo việc làm cho những người sống chung và chịu ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và người sau cai nghiện ma túy" (Dự án FHI).

III. TÓM TẮT CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐANG THỰC HIỆN GIẢI NGÂN TẠI NHCSXH

1. Chương trình cho vay hộ nghèo theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ.

- Mục tiêu: giúp cho các hộ có vốn để SXKD, tăng thu nhập, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội và giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập đối với hộ nghèo, góp phần ổn định cuộc sống.

- Đối tượng vay vốn: là những hộ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ từng thời kỳ.

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Chính trị - xã hội (gọi tắt là tổ chức Hội, đoàn thể).

- Mức cho vay tối đa: 100 triệu đồng/hộ. Bao gồm:

+ Cho vay sản xuất, kinh doanh.

+ Cho vay sửa chữa nhà ở: mức cho vay tối đa không quá 3 triệu đồng/hộ.

+ Cho vay điện thấp sáng: mức cho vay tối đa không quá 1,5 triệu đồng/hộ.

+ Cho vay nước sạch: mức tối đa không quá 10 triệu đồng/công trình/hộ.

+ Cho vay chi phí học tập tại các trường phổ thông: bao gồm 4 khoản sau: Tiền học phí phải nộp theo quy định; kinh phí xây dựng trường theo quy định; tiền mua dụng cụ học tập, sách giáo khoa và tiền mua quần áo hoặc trang phục học đường của học sinh theo quy định.

- Lãi suất cho vay: do Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ, hiện nay là 6,6%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

2. Chương trình cho vay hộ cận nghèo theo Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: phục vụ sản xuất, kinh doanh nhằm góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng vay vốn: hộ cận nghèo có tên trong Danh sách hộ cận nghèo được UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) xác nhận theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể.

- Mức cho vay tối đa: 100 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: bằng 120% lãi suất cho vay hộ nghèo được quy định, trong từng thời kỳ, hiện nay là 7,92%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: để các hộ thoát nghèo tiếp tục phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm từng bước ổn định cuộc sống và vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đối tượng được vay vốn: là các hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo nay mới thoát nghèo, được UBND cấp xã xác nhận (Thời gian thoát nghèo tính từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 03 năm).

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể.

- Mức cho vay tối đa: như chương trình cho vay hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ. Hiện nay, mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: bằng 125% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ, hiện nay là 8,25%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

4. Chương trình cho vay học sinh sinh viên

- Mục tiêu: đảm bảo cho các HSSV có hoàn cảnh khó khăn không phải bỏ học vì lý do không có tiền đóng học phí và trang trải các nhu cầu sinh hoạt phí tối thiểu (ăn, ở, đi lại, tài liệu học tập).

- Đối tượng được vay vốn:

(1). Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- + Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
- + Hộ cận nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
- + Hộ có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật.

- Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(2). Người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề.

(3). Học sinh, sinh viên Y khoa có hoàn cảnh khó khăn đã tốt nghiệp (nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp) các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Y.

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- Sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- + Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.
- + Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

- Sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian thực hành có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(4). Người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng.

* Ngoài ra, các đối tượng trên thuộc các trường hợp sau đây cũng được xem xét cho vay:

+ Học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng học liên thông lên cao đẳng, đại học; HSSV đang học trường này nhưng chuyển sang trường khác, HSSV học hệ đại học tại chức, đào tạo từ xa.

+ Lao động đã được vay vốn học nghề một lần nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan có tên trong Quyết định của UBND cấp tỉnh về việc được tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án thì được NHCSXH tiếp tục xem xét cho vay nhưng tối đa không quá 03 lần.

+ Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính, đã được vay đủ 12 tháng nhưng vẫn còn khó khăn hoặc lại khó khăn tiếp nếu có văn bản nêu rõ lý do khó khăn được UBND cấp xã xác nhận.

- Phương thức cho vay:

+ Đối với HSSV vay vốn thông qua hộ gia đình: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể

+ Đối với HSSV mồ côi: NHCSXH cho vay trực tiếp nơi nhà trường, cơ sở khám, chữa bệnh,...đóng trụ sở.

- Mức cho vay tối đa: 4.000.000 đồng/tháng (40.000.000đồng/năm học).

- Lãi suất cho vay: do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. HSSV nhận tiền vay tại thời điểm nào thì hưởng lãi suất cho vay thông báo tại thời điểm đó, hiện nay là 6,6%/năm;

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

5. Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Mục tiêu: hỗ trợ và tạo việc làm cho người lao động và các Cơ sở SXKD.

- Đối tượng được vay vốn:

+ Cơ sở SXKD gồm: doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác; hộ kinh doanh.

+ Người lao động.

- Phương thức cho vay:

+ Cho vay trực tiếp: cơ sở sản xuất kinh doanh; người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý.

+ Cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các Tổ chức Hội, đoàn thể nhận ủy thác: đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn do NHCSXH huy động và nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Mức cho vay tối đa:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: 02 tỷ đồng/01 dự án và 100 triệu đồng/01 người lao động được tạo việc làm.

+ Đối với người lao động: 100 triệu đồng.

- Lãi suất cho vay: bằng lãi suất cho vay hộ cận nghèo từng thời kỳ, hiện nay là 7,92%/năm.

Lưu ý: trường hợp người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, cơ sở SXKD sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số hoặc cả người dân tộc thiểu số và người khuyết tật thì áp dụng lãi suất bằng 50% lãi suất hộ nghèo.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

6. Chương trình cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

- Mục tiêu: hỗ trợ và tạo việc làm cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số;

+ Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng;

+ Người lao động thuộc: hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định, khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở;

+ Người lao động tại huyện nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Phương thức cho vay: NHCSXH cho vay trực tiếp đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

- Mức cho vay: tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Lãi suất cho vay: bằng lãi suất cho vay hộ nghèo từng thời kỳ, hiện nay là 6,6%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

Lưu ý: đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình EPS và thuộc đối tượng cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì phải thực hiện Nghiệp vụ nhận kỹ quỹ và cho vay để ký quỹ.

7. Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nhằm nâng cao sức khỏe, cải thiện sinh hoạt, thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông thôn.

- Đối tượng được vay vốn: hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương thuộc khu vực nông thôn chưa có công trình nước sạch, công trình vệ sinh hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn và chưa bảo đảm vệ sinh.

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể.

- Mức cho vay tối đa: 10 triệu đồng/công trình và mỗi hộ được vay tối đa 20 triệu đồng để làm 2 công trình (công trình nước sạch và công trình vệ sinh).

- Lãi suất cho vay: theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ, hiện nay là 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

8. Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: góp phần thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

- Đối tượng được vay vốn: là các hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn trong lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp và Cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể, tùy thuộc vào mức cho vay.

- Mức cho vay tối đa: 50 triệu đồng/hộ, một số trường hợp đến 100 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ, hiện nay là 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

9. Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: phát triển thương mại ở địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc, góp phần thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

- Đối tượng vay vốn: thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên tại vùng khó khăn.

- Phương thức cho vay:

- + Đối với thương nhân là cá nhân: cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua tổ chức Hội, đoàn thể.

- + Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế: cho vay trực tiếp tại NHCSXH.

- Mức cho vay tối đa:

- + Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế: 50 triệu đồng/hộ.

- + Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật: 100 triệu đồng/hộ.

- + Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế: 500 triệu đồng.

- Lãi suất cho vay: theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ, hiện nay là 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

10. Chương trình cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

- Mục tiêu: thực hiện chính sách nhà ở xã hội.

- Đối tượng được vay vốn gồm:

- + Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

- + Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.

+ Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

+ Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

+ Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Các đối tượng nêu trên (trừ người có công với cách mạng) phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;

- Phương thức cho vay: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 25 năm kể từ ngày giả ngân khoản vay đầu tiên.

- Mức cho vay:

+ Trường hợp mua, thuê mua nhà ở xã hội: tối đa bằng 80% giá trị hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội.

+ Trường hợp xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

- Lãi suất cho vay: do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ, hiện nay tạm thời áp dụng mức lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

11. Chương trình cho vay xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long theo Quyết định 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 và Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 14/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Mục tiêu: đảm bảo cuộc sống an toàn, ổn định lâu dài cho các hộ dân thường trú tại vùng ngập lũ thường xuyên thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Phạm vi thực hiện: chi nhánh NHCSXH các tỉnh thuộc khu vực thường xuyên ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm: An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ và Cà Mau.

- Thời gian thực hiện: đến hết năm 2025.

- Đối tượng cho vay: hộ dân sinh sống tại những khu vực không đảm bảo an toàn khi có lũ, phải di dời vào các cụm, tuyến dân cư và bờ bao khu dân cư gồm: Hộ dân định cư thường trú tại địa phương; hộ di cư từ nơi khác đến hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương; hộ sinh sống ở những nơi dễ xảy ra sạt lở, không đảm

bảo an toàn khi bị tác động của lũ, lụt tại các tỉnh thành phố An Giang, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ và Cà Mau.

- Phương thức cho vay: NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Mức cho vay: tối đa đối với trường hợp tự xây dựng nhà ở là 40 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ, hiện nay là 3%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

12. Chương trình cho vay hỗ trợ đất ở; nhà ở; đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ

- Mục tiêu: phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030 bằng việc cho vay hỗ trợ đất ở; nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề; cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và cho vay hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý;

- Địa bàn thực hiện: cấp xã, cấp thôn vùng đồng bào DTTS&MN theo quy định của pháp luật về tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS&MN trong từng thời kỳ.

- Đối tượng vay vốn: bao gồm:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ;

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số; hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là hộ nghèo có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi có sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

+ Dự án dược liệu quý: dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý và dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển dược liệu ứng dụng công nghệ cao.

- Phương thức cho vay:

+ NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội đối với hộ gia đình (bao gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ kinh doanh và hộ gia đình khác).

+ NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mức cho vay:

+ Đối với cho vay hỗ trợ đất ở: tối đa 50 triệu đồng/hộ.

+ Đối với cho vay hỗ trợ nhà ở: tối đa 40 triệu đồng/hộ.

+ Đối với cho vay hỗ trợ đất sản xuất: tối đa 77,5 triệu đồng/hộ.

+ Đối với cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề: tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ, hiện nay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

+ Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng theo quy định hiện hành về chương tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại NHCSXH, hiện nay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

Doanh nghiệp, hợp tác xã tối đa 02 tỷ đồng/khách hàng.

+ Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

Tổng mức cho vay không vượt quá 45% tổng mức đầu tư dự án và không vượt quá 96 tỷ đồng/01 dự án đối với Dự án vùng trồng dược liệu quý, không vượt quá 92 tỷ đồng/01 dự án đối với Dự án Trung tâm nhân giống.

Mức cho vay đối với khách hàng tham gia Dự án dược liệu quý do NHCSXH nơi cho vay xác định căn cứ phương án sử dụng vốn và quyết định phê duyệt thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không vượt quá 45% mức đầu tư của khách hàng khi tham gia vào Dự án.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo (không phải hộ kinh doanh) thuộc đối tượng và đủ điều kiện vay vốn các chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện mục đích sản xuất kinh doanh thì được lựa chọn vay vốn một hoặc nhiều chương trình tín dụng nhưng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ, hiện nay tối đa 100 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay:

+ Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; hỗ trợ nhà ở: 3%/năm

+ Đối với cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

+ Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

Hộ nghèo: bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã: bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

+ Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: 3,96%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

13. Chương trình cho vay dự án "Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa" (Dự án KFW).

- Mục tiêu: thiết lập Quỹ tín dụng quay vòng nhằm cho vay hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đầu tư phát triển.

- Phạm vi thực hiện dự án: các chi nhánh được Tổng Giám đốc phê duyệt cho vay gồm có 22 chi nhánh: Sở giao dịch, Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Thanh Hóa, Cần Thơ.

- Thời gian thực hiện dự án:

+ Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005, thời gian kết thúc là ngày 30/12/2025.

+ Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007, thời gian kết thúc là ngày 30/6/2027.

- Đối tượng cho vay: là các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

- Phương thức cho vay: cho vay trực tiếp.

- Mức cho vay không quá 80%/giá trị của dự án xin vay, khách hàng có thể vay vốn cho nhiều dự án nhưng tổng dư nợ không quá 01 tỷ đồng/01 khách hàng và không quá 70% giá trị của tài sản bảo đảm.

- Lãi suất cho vay: do NHCSXH quyết định theo từng thời kỳ, hiện nay là 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

14. Chương trình cho vay dự án "Phát triển Ngành Lâm nghiệp" (WB)

- Mục tiêu: phát triển lâm nghiệp bền vững bằng việc giao đất rừng và hướng dẫn trồng rừng sản xuất cho hộ gia đình, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia: phủ xanh đất trống đồi trọc và trồng rừng đạt mục tiêu 6 triệu ha rừng.

- Phạm vi thực hiện dự án: tại những xã thuộc 6 tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa và Nghệ An. Danh sách xã và huyện thực hiện trồng rừng Dự án sẽ do Tổng giám đốc NHCSXH thông báo từng thời kỳ.

- Đối tượng vay vốn: hộ gia đình tham gia trồng, chăm sóc rừng trồng của Dự án.

- Mức cho vay: bằng 75% chi phí trồng rừng và căn cứ từng mô hình trồng rừng. Diện tích tối đa của một hộ tham gia trồng rừng được vay vốn dự án sẽ do Tổng giám đốc thông báo từng thời kỳ. Diện tích tối đa hiện nay được quy định là 10 ha/hộ.

+ Đối với mô hình 01, 04 (mô hình rừng trồng cây mọc nhanh và những loài cây lâm sản ngoài gỗ luân kỳ ngắn, sản lượng trung bình), mức cho vay tối đa là 20 triệu đồng/ ha;

+ Đối với mô hình 02, 03, 04 (Mô hình rừng trồng cây gỗ lớn và những loài cây lâm sản ngoài gỗ (luân kỳ dài, sản lượng cao), mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/ ha;

+ Đối với mô hình chuyển đổi từ mô hình 01 thành rừng trồng lấy gỗ xẻ (Luân kỳ dài, sản lượng cao), cho vay bổ sung 10 triệu đồng/ ha.

- Phương thức cho vay:

+ Phương thức cho vay trực tiếp áp dụng với khách hàng không tham gia vào Tổ TK&VV.

+ Phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội đối với khách hàng tham gia vào Tổ TK&VV.

- Lãi suất cho vay: không thấp hơn lãi suất cho vay hộ nghèo, trường hợp Chính phủ có quyết định thay đổi mức lãi suất cho vay hộ nghèo thì lãi suất cho vay đến các hộ trồng rừng sẽ thay đổi tương ứng. Trên cơ sở quy định lãi suất, Tổng giám đốc NHCSXH sẽ thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, hiện nay là 6,6%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

15. Chương trình cho vay dự án "Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tại tỉnh Tuyên Quang" (Dự án RIPD)

- Mục tiêu dự án: nhằm cải thiện tình hình kinh tế - xã hội của các nhóm đối tượng Dự án bằng cách nâng cao năng lực và vai trò của họ trong tiến trình ra quyết định, tăng cường an ninh lương thực, đẩy mạnh đa dạng hóa thu nhập ở vùng dự án, khuyến khích sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Địa bàn dự án: dự án được thực thi tại 66 xã của 5 huyện thuộc tỉnh Tuyên Quang.

- Đối tượng vay vốn: là các hộ gia đình nghèo, đặc biệt là đồng bào các dân tộc thiểu số và phụ nữ nghèo đang sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án; các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, cơ sở cung cấp giống, vật tư tại các xã ở vùng II, III trong địa bàn dự án.

- Mức cho vay: mức cho vay tối đa một nhóm Tổ TK&VV phụ thuộc mức dự nợ cho vay đối với đối với hộ nghèo do Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ.

- Phương thức cho vay: NHCSXH cho vay theo phương thức bán buôn, cho vay trực tiếp đến Nhóm Tiết kiệm và vay vốn với lãi suất cho vay hộ nghèo hiện hành, Nhóm cho vay lại các thành viên trong Nhóm theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn. Phần lãi suất chênh lệch được Nhóm giữ lại thành nguồn để cho vay các thành viên của Nhóm.

- Lãi suất cho vay:

+ Lãi suất NHCSXH cho vay tới nhóm Tổ TK&VV bằng lãi suất cho vay ưu đãi hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ, hiện nay là 6,6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn.

+ Lãi suất nhóm Tổ TK&VV cho vay lại thành viên: thực hiện theo lãi suất thương mại của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn áp dụng trên địa bàn.

16. Chương trình cho vay dự án "Toàn dân tham gia quản lý nguồn vốn tỉnh Tuyên Quang" (Dự án IFAD).

- Mục tiêu dự án: hỗ trợ vốn cho hộ gia đình nghèo thuộc vùng dự án để tăng cường thu nhập, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

- Thời gian thực hiện dự án là 50 năm, thời gian trả nợ là 40 năm: từ 1/7/2003 đến 1/1/2043.

- Địa bàn thực hiện: tại tỉnh Tuyên Quang.

- Đối tượng vay vốn: là các hộ nghèo trong vùng dự án gồm Hộ nông dân, Phụ nữ lao động trong tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhẹ, các hợp tác xã.

- Mức cho vay: mức cho vay tối đa cho mỗi Dự án vay vốn của tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh là 100 triệu đồng.

- Phương thức cho vay: phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Lãi suất cho vay: áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn, đảm bảo chi phí hoạt động cho NHCSXH,

thanh toán lãi cho Bộ Tài chính, trích lập Quỹ rủi ro và Quỹ quay vòng phát triển vốn theo mô hình tín dụng quay vòng bền vững.

17. Chương trình cho vay dự án ”Mở rộng tiếp cận tài chính cho người khuyết tật” (dự án Nippon).

- Mục tiêu dự án: nhằm hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh vi mô có sử dụng, phục vụ hoặc do người khuyết tật làm chủ để người khuyết tật có thể khởi nghiệp và mở rộng công việc sản xuất kinh doanh nhằm tạo thu nhập bền vững và có sự độc lập về kinh tế.

- Địa bàn thực hiện: các đơn vị thực hiện cho vay do Tổng Giám đốc NHCSXH thông báo từng thời kỳ. Hiện nay, bao gồm 05 đơn vị: Đà Nẵng, Hà Nội, Hồ Chí Minh, Quảng Ninh và Quảng Bình.

- Đối tượng vay vốn:

+ Doanh nghiệp nhỏ và vừa do người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuê lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật.

+ Hộ kinh doanh do người khuyết tật làm chủ, Hộ kinh doanh có thành viên là người khuyết tật, Hộ kinh doanh thuê lao động là người khuyết tật, Hộ kinh doanh sản xuất các sản phẩm và dịch vụ cho người khuyết tật.

+ Hộ gia đình do người khuyết tật làm chủ, Hộ gia đình có thành viên là người khuyết tật.

- Mức cho vay:

+ Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh: mức cho vay tối đa không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh.

+ Đối với Hộ gia đình: mức cho vay tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ.

- Phương thức cho vay:

+ Phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc qua các tổ chức chính trị - xã hội đối với người vay là Hộ gia đình, Hộ kinh doanh có mức cho vay đến 50 triệu đồng.

+ Phương thức cho vay trực tiếp: đối với người vay là Hộ gia đình và Hộ kinh doanh có mức vay trên 50 triệu đồng và Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Lãi suất cho vay: bằng lãi suất chương trình cho vay hộ nghèo, hiện nay là 6,6%/tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay trong hạn.